

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (BAO GỒM KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 VỀ TRƯỚC ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2025)

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI XÃ MĂNG ĐEN

(Kèm theo Nghị Quyết số 24 /NQ-HDND ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Măng Đen)

TT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) đã được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) điều chỉnh										Ghi chú			
		Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)							Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch	Đơn vị thực hiện đầu tư (*)	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)							
			Tổng vốn	Trong đó:		Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025						Tổng vốn	Trong đó:		Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025				
				NSTW	NS huyện	Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn				Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn		Trong đó:		
							NSTW	NS huyện		NSTW	NS huyện					NSTW	NS huyện		NSTW	NS địa phương			NSTW	NS địa phương	NSTW
*	Tổng cộng (I+II+III)		51.218	48.637	2.581	13.857	13.527	330	14.708	14.313	395			51.218	48.637	2.581	13.857	13.527	330	14.708	14.313	395			
I	Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		5.841	5.645	196	2.247	2.247		140	120	20			5.841	5.645	196	2.247	2.247		140	120	20			
1	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất xã Đắk Tăng	UBND xã Đắk Tăng	616	580	36	80	80					UBND xã Măng Đen	Ban QLDA và DVCI	616	580	36	80	80							
2	Nước sinh hoạt cho các hộ DTTS ở thôn Đắk PRỎ (khu mới)		2.794	2.658	136									2.794	2.658	136									
3	Nước sinh hoạt thôn Vi Xây		2.167	2.167		2.167	2.167							2.167	2.167		2.167	2.167							
4	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất thị trấn Măng Đen	UBND Thị trấn Măng Đen	44	40	4									44	40	4									
5	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất xã Măng Cảnh	UBND xã Măng Cảnh	220	200	20				140	120	20					220	200	20				140	120	20	
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		32.642	31.256	1.386	11.000	10.670	330	5.749	5.749				32.642	31.256	1.386	11.000	10.670	330	5.749	5.749				
(1)	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		32.642	31.256	1.386	11.000	10.670	330	5.749	5.749				32.642	31.256	1.386	11.000	10.670	330	5.749	5.749				
1	Mở rộng cứng hóa đường từ thôn Vi Rơ Ngheo đi trung tâm xã Đắk Tăng	Ban QLDA ĐTXD huyện	17.187	16.857	330	8.274	7.944	330	5.749	5.749		UBND xã Măng Đen	Ban QLDA và DVCI	17.187	16.857	330	8.274	7.944	330	5.749	5.749				
2	Đường đi khu sản xuất nước K thôn Vi Rìng	UBND xã Đắk Tăng	2.065	1.859	206							UBND xã Măng Đen	Ban QLDA và DVCI	2.065	1.859	206									
3	Thủy lợi nước Măng thôn Vi Xây		1.609	1.609										1.609	1.609	0									
4	Cầu treo Nước Ngheo thôn Vi Rơ Ngheo		1.076	966	110									1.076	966	110									
5	Đường đi khu sản xuất thôn Vi Rơ Ngheo		2.090	1.900	190									2.090	1.900	190									
6	Kênh mương thủy lợi Nước Thỏ thôn Rô Xia		1.100	1.000	100									1.100	1.000	100									
7	Cầu treo đi khu sản xuất cánh đồng Măng Púi thôn Đắk Pờ Rỏ		1.226	1.226		1.226	1.226							1.226	1.226		1.226	1.226							
8	Đường đi khu sản xuất nước Sút thôn Rô Xia		1.000	1.000		1.000	1.000							1.000	1.000		1.000	1.000							
9	Đường đi khu sản xuất nước Xâm thôn Rô Xia		500	500		500	500							500	500		500	500							
10	Đường đi khu sản xuất Kon Chốt	UBND Thị trấn Măng Đen	1.608	1.458	150							UBND xã Măng Đen	Ban QLDA và DVCI	1.608	1.458	150									
11	Thủy lợi Rì Ka Ma thôn Măng Cảnh	UBND Xã Măng Cảnh	1.531	1.381	150							UBND xã Măng Đen	Ban QLDA và DVCI	1.531	1.381	150									
12	Nước sinh hoạt thôn Kon Du		1.650	1.500	150									1.650	1.500	150									

TT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) đã được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) điều chỉnh											Ghi chú		
		Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)						Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch	Đơn vị thực hiện đầu tư (*)	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)							
			Tổng vốn	Trong đó:		Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025					Tổng vốn	Trong đó:		Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025				
				NSTW	NS huyện	Tổng vốn	NSTW	NS huyện	Tổng vốn	NSTW	NS huyện				NSTW	NS địa phương	Tổng vốn	NSTW	NS địa phương	Tổng vốn	NSTW		NS địa phương	
III	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		12.735	11.736	999	610	610		8.819	8.444	375			12.735	11.736	999	610	610		8.819	8.444	375		
1	Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu thôn Kon Pring	UBND thị trấn Măng Đen	668	611	57							UBND xã Măng Đen	Ban QLDA và DVCI	668	611	57								
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Phòng Văn hóa, Thông tin	1.588	1.507	81							UBND xã Măng Đen	Ban QLDA và DVCI	1.588	1.507	81								
3	Đầu tư làng truyền thống tiêu biểu Vi Rơ Ngheo xã Đăk Tằng		5.136	4.761	375				4.913	4.538	375			5.136	4.761	375				4.913	4.538	375		
4	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số		5.343	4.857	486	610	610		3.906	3.906				5.343	4.857	486	610	610		3.906	3.906			

(*) Khi có sự thay đổi đơn vị thực hiện do sắp xếp, sáp nhập theo chủ trương của cấp có thẩm quyền, giao Ủy ban nhân dân xã quyết định điều chỉnh đơn vị thực hiện cho phù hợp, đồng thời báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.